

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HẢI**

Số: 06a /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hải, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của xã Đông Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Hải về dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Hải về phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đông Hải về kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Đông Hải;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Hải về việc giao dự toán chi ngân sách xã năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 144/TTr-PKT ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Đông Hải (Phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026 và các Biểu số 108/CK TC-NSNN, Biểu số 109/CK TC-NSNN, Biểu số 110/CK TC-NSNN, Biểu số 111/CK TC-NSNN).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- KBNN KV XX – PGD số 18;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**K. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Thanh**



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
1	2	3	4
TỔNG SỐ THU	116.110,000	TỔNG SỐ CHI	116.110,000
1. Các khoản thu NS xã hưởng 100%	480,000	1. Chi đầu tư phát triển	12.907,000
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		2. Chi thường xuyên	101.101,000
3. Thu chuyển nguồn		3. Dự phòng ngân sách	2.102,000
4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	115.630,000		
Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	106.715,000		
- Bổ sung có mục tiêu	8.915,000		



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	116.110,000	12.907,000	101.101,000
1	Quốc phòng	2.304,000		2.304,000
2	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.170,000		1.170,000
3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.219,000		60.219,000
3.1	Sự nghiệp giáo dục	59.744,000		59.744,000
	<i>Trong đó: chính sách an sinh xã hội</i>	<i>590,000</i>		<i>590,000</i>
3.2	Đào tạo và dạy nghề	475,000		475,000
4	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	265,000		265,000
5	Y tế, dân số và gia đình (<i>chính sách an sinh xã hội</i>)	968,000		968,000
6	Văn hóa thông tin	991,000		991,000
7	Phát thanh truyền hình	100,000		100,000
8	Thể dục thể thao	100,000		100,000
9	Bảo vệ môi trường	150,000		150,000
10	Các hoạt động kinh tế	17.071,000	11.824,000	5.247,000
11	Hoạt động cơ quan Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	21.492,000	1.083,000	20.409,000
12	Đảm bảo xã hội	7.807,000		7.807,000
	<i>Trong đó: chính sách an sinh xã hội</i>	<i>7.357,000</i>		<i>7.357,000</i>
13	Chi khác ngân sách	1.371,000		1.371,000
14	Dự phòng ngân sách	2.102,000		-



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ ĐÔNG HẢI

(Kế hoạch đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư dự án			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư			Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước			Vốn Cân đối ngân sách	Tính bổ sung nguồn vốn Xã số kiến thiết	Nguồn vốn khác	
	TỔNG CỘNG					25.000,000	25.000,000	-	25.000,000	12.907,000	12.093,000	-	
I	Công trình chuyển tiếp												
II	Công trình xây dựng mới					25.000,000	25.000,000	-	25.000,000	12.907,000	12.093,000	-	
a	Hoạt động quản lý Nhà nước					1.083,000	1.083,000	-	1.083,000	1.083,000	-	-	
01	Sửa chữa, cải tạo 16 trụ sở ấp trên địa bàn xã Đông Hải	16 Ấp		2026	1696; 03/12/2025	1.083,000	1.083,000		1.083,000	1.083,000			
b	Giao thông					23.917,000	23.917,000	-	23.917,000	11.824,000	12.093,000	-	
01	Tuyến phía Nam rạch Láng Biển	Ấp 4	chiều dài 2.060 m, chiều rộng mặt đường 2,5 m	2026	1697; 03/12/2025	8.595,000	8.595,000		8.595,000		8.595,000		
02	Tuyến Đập Cây Dừa - Kênh Năm Lén	Ấp Bửu Đông	chiều dài 1.671,20m, chiều rộng mặt đường 2,5 m	2026	1698; 03/12/2025	3.234,000	3.234,000		3.234,000		3.234,000		
03	Tuyến đường Nông trường 416	Ấp Vĩnh Điền	chiều dài 1.800 m, chiều rộng mặt đường 2,5 m	2026	1700; 04/12/2025	6.395,000	6.395,000		6.395,000	6.131,000	264,000		
04	Tuyến phía Bắc rạch Mỹ Điền	Ấp Mỹ Điền	chiều dài 1.100 m, chiều rộng mặt đường 2,5 m	2026	1701; 04/12/2025	3.476,000	3.476,000		3.476,000	3.476,000			
05	Tuyến đường Trại Mới - Tái định cư	Ấp Trường Điền	chiều dài 1.300 m, chiều rộng mặt đường 2,5 m	2026	1703; 04/12/2025	2.217,000	2.217,000		2.217,000	2.217,000			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ ĐÔNG HẢI NĂM 2026

*(kèm theo Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 23/12/2025
của Ủy ban nhân dân xã Đông Hải)*

1. Mục đích, yêu cầu

Năm 2026 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, việc xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã Đông Hải năm 2026 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2026; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện; theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách xã Đông Hải năm 2026; đảm bảo ưu tiên nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người và các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành. Trong đó, tập trung một số vấn đề chủ yếu sau:

1.1. Xây dựng dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các nguồn thu vào ngân sách nhà nước. Việc xây dựng dự toán phải bám sát tình hình kinh tế - xã hội của xã; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 được xây dựng trên cơ sở dự toán thu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định.

1.2. Xây dựng dự toán chi ngân sách xã trên cơ sở quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; căn cứ nguồn thu được hưởng theo phân cấp, số bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh được giao năm 2026; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; ước thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2025. Xây dựng dự toán chi ngân sách xã chi tiết từng lĩnh vực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển theo nguồn vốn được tỉnh phân cấp và nhu cầu cấp thiết của địa phương. Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, xác định quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành. Thực hiện phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở biên chế được cấp thẩm quyền giao; chủ động dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026; đảm bảo thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Phương án phân bổ ngân sách xã Đông Hải năm 2026

Căn cứ Quyết định số 02063/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho xã, phường và dự kiến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách xã Đông Hải năm 2026, Ủy ban nhân dân xã phân bổ cụ thể như sau:

2.1. Về thu ngân sách:

- Nguồn thu Lệ phí trước bạ: 420 triệu đồng.
- Nguồn thu Phí, lệ phí: 150 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách: 80 triệu đồng.

2.2. Về chi ngân sách:

2.2.1. Chi đầu tư phát triển phân bổ bằng tỉnh giao: 12.907 triệu đồng, bố trí các công trình:

- Sửa chữa, cải tạo 16 trụ sở ấp trên địa bàn xã Đông Hải: 1 tỷ đồng.
- Tuyến đường Nông trường 416, ấp Vĩnh Điền: 6.131 triệu đồng.
- Tuyến phía bắc rạch Mỹ Điền, ấp Mỹ Điền: 2.365 triệu đồng.
- Tuyến đường Trại Mới – Tái định cư, ấp Trường Điền: 3.411 triệu đồng.

2.2.2. Chi thường xuyên:

* Phân bổ chi các hoạt động kinh tế: phân bổ bằng tỉnh giao 5.247.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

* Phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (*theo biên chế có mặt*), bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương. Phân bổ chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí học sinh:

- Trường Trung học cơ sở: 1.288.000 đồng/học sinh/năm.
- Trường Tiểu học: 1.232.000 đồng/học sinh/năm.
- Trường Mẫu giáo: 1.820.000 đồng/học sinh/năm.

Sửa chữa trường lớp, công trình phụ, mua sắm bàn ghế, trang thiết bị dạy học và các nhiệm vụ giáo dục khác: Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

Phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: phân bổ theo định suất được giao, khoán với mức 90.000.000 đồng/định suất/năm.

Đối với các nhiệm vụ thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được xác định trên cơ sở đối tượng thực tế,

mức hỗ trợ theo quy định.

* Phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: phân bổ bằng tình giao 350.000.000 đồng/năm; giáo dục cộng đồng tại xã: 125.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

* Phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: phân bổ bằng tình giao 968 triệu đồng, thực hiện nhiệm vụ chính sách an sinh xã hội.

* Phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: phân bổ bằng tình giao 265.000.000 đồng/năm (trong đó: Kinh phí hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng 600.000 đồng/tổ/tháng).

* Phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: phân bổ bằng tình giao 150.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

* Phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin: phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (theo biên chế có mặt), bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương. Hoạt động sự nghiệp phân bổ bằng tình giao: 120.000.000 đồng/năm. Kinh phí hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông phân bổ 27.000.000 đồng/biên chế/năm.

Hỗ trợ kinh phí đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở ấp để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở ấp, khám để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; hỗ trợ Ban Mặt trận ở khu dân cư; kinh phí tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư, tổ chức giám sát đầu tư công cộng...

* Phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao: phân bổ bằng tình giao 100.000.000 đồng/năm.

* Phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: phân bổ bằng tình giao 100.000.000 đồng/năm.

* Phân bổ chi bảo đảm xã hội: phân bổ bằng tình giao 450.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

Phân bổ bằng tình giao: 7.357.000.000 đồng/năm, để thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, an sinh xã hội: Trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; các chính sách có liên quan đối với người có công với cách mạng, cựu chiến binh, thanh niên xung phong theo quy định của pháp luật. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật. Kinh phí chúc thọ, mừng thọ và tặng quà người cao tuổi; phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội.

* Phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng và Đoàn thể: phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (*theo biên chế có mặt*), bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương. Phân bổ chi hoạt động:

- Theo biên chế được giao: 27.000.000 đồng/biên chế/năm;

- Hoạt động không chuyên trách: 20.000.000 đồng/người/năm.

- Phân bổ đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ: theo định suất được giao, khoán với mức 100.000.000 đồng/định suất/năm.

- Phân bổ thêm (20% đối với *Quản lý nhà nước, Đảng*; 15% đối với *Đoàn thể*) kinh phí so với định mức quy định tại điểm 1 và nội dung hoạt động không chuyên trách tại điểm 2 Điều này, để thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây: Chi mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; các chế độ đặc thù của Hội đồng nhân dân xã, tổ chức cơ sở Đảng, nhiệm vụ chính trị của xã và các nhiệm vụ khác theo quy định.

- Khoán kinh phí hoạt động ấp: 3.000.000 đồng/ấp/tháng.

- Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách thực hiện theo quy định của cấp thẩm quyền.

* Phân bổ chi quốc phòng: phân bổ bằng tỉnh giao 455.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện. Phân bổ phụ cấp cho lực lượng dân quân thường trực; ấp đội trưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền bằng tỉnh giao 1.849.000.000 đồng/năm

* Phân bổ chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: phân bổ bằng tỉnh giao 210.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện. Phân bổ phụ cấp cho lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở ấp theo quy định của cấp có thẩm quyền bằng tỉnh giao 960.000.000 đồng/năm

* Phân bổ chi khác ngân sách: phân bổ bằng tỉnh giao 1.371.000.000 đồng/năm. Tùy theo tình hình nhiệm vụ cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã phân bổ giao dự toán cho đơn vị thực hiện.

* Phân bổ dự phòng ngân sách: theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, phân bổ bằng tỉnh giao 2.102.000.000 đồng/năm.

(chi tiết phân bổ kèm theo các phụ lục số: 3; 3A; 3B; 3C; 3D)

Sau khi được Hội đồng nhân dân xã quyết nghị phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026, Ủy ban nhân dân xã sẽ giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện với quyết tâm cao nhất để hoàn thành đạt và vượt dự toán được giao./.

PHỤ LỤC SỐ 3
TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

Mã số	Nội dung	Dự toán HĐND xã quyết định	Dự toán UBND xã giao cho các đơn vị	Dự toán còn lại chưa giao
A	B	1	2	3=1-2
	TỔNG CHI (1+2+3)	116.110,000	104.349,106	11.760,894
1	Chi đầu tư phát triển	12.907,000	12.907,000	-
1.1	Nguồn vốn cân đối ngân sách	12.907,000	12.907,000	-
2	Chi thường xuyên	101.101,000	91.442,106	9.658,894
	<i>Trong đó: tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>1.071,000</i>	<i>1.071,000</i>	<i>-</i>
2.1	Quốc phòng	2.304,000	1.849,000	455,000
2.2	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.170,000	960,000	210,000
2.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.219,000	58.553,636	1.665,364
*	Sự nghiệp giáo dục	59.744,000	58.553,636	1.190,364
	<i>Trong đó: chính sách an sinh xã hội</i>	<i>590,000</i>		<i>590,000</i>
*	Đào tạo và dạy nghề	475,000		475,000
2.4	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	265,000	265,000	-
2.5	Y tế, dân số và gia đình (<i>chính sách an sinh xã hội</i>)	968,000	968,000	-
2.6	Văn hóa thông tin	991,000	991,000	-
2.7	Phát thanh truyền hình	100,000	100,000	-
2.8	Thể dục thể thao	100,000	100,000	-
2.9	Bảo vệ môi trường	150,000		150,000
2.10	Các hoạt động kinh tế	5.247,000		5.247,000
2.11	Hoạt động cơ quan Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	20.409,000	20.074,715	334,285
*	Quản lý Nhà nước		12.287,892	
*	Đảng		4.720,832	
*	Đoàn thể		3.065,991	
2.12	Đảm bảo xã hội	7.807,000	7.357,000	450,000
	<i>Trong đó: chính sách an sinh xã hội</i>	<i>7.357,000</i>	<i>7.357,000</i>	<i>-</i>
2.13	Chi khác ngân sách	1.371,000	223,755	1.147,245
3	Dự phòng ngân sách	2.102,000		2.102,000

(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 3B

PHÂN BỐ GIAO DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG

Kinh phí được giao tự chủ (Mã nguồn 13)

(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025	Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt đến tháng 11/2025	Số lượng học sinh thực tế đến tháng 11/2025; số áp	Định mức phân bổ	Kinh phí hoạt động	Tiết kiệm 10% thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định	Tiết kiệm 10% thực hiện chính sách an sinh xã hội	Kinh phí hoạt động giao tự chủ cho đơn vị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4,5*6	8=7*10%	9=(7-8)*10%	10=7-8-9	11
	TỔNG CỘNG	374	348	3.976		10.398,451	982,245	884,020	8.532,186	
1	Sự nghiệp giáo dục	276	264	3.976		5.328,820	532,882	479,593	4.316,345	
1.1	Trường MG Hướng Dương	31	30	358	1,820	651,560	65,156	58,640	527,764	
1.2	Trường MG Phong Lan	27	27	249	1,820	453,180	45,318	40,786	367,076	
1.3	Trường TH Kim Đồng	59	59	855	1,232	1.053,360	105,336	94,802	853,222	
1.4	Trường TH Nguyễn Huệ	50	48	776	1,232	956,032	95,603	86,043	774,386	
1.5	Trường TH Võ Văn Kiệt	31	28	426	1,232	524,832	52,483	47,235	425,114	
1.6	Trường THCS Lê Quý Đôn	41	37	680	1,288	875,840	87,584	78,826	709,430	
1.7	Trường THCS Tạ Tài Lợi	37	35	632	1,288	814,016	81,402	73,261	659,353	
2	Sự nghiệp văn hoá thông tin	5	5			135,000	13,500	12,150	109,350	
*	Trung tâm VH TT và TT	5	5		27,000	135,000	13,500	12,150	109,350	
3	QLNN, đảng, đoàn thể	93	79			4.934,631	435,863	392,277	4.106,491	
3.1	Quản lý nhà nước	56	45			3.216,606	264,061	237,655	2.714,890	
*	UBND xã Đông Hải	47	35		27,000	1.269,000	126,900	114,210	1.027,890	
*	Hoạt động không chuyên trách xã	9	10		20,000	180,000	18,000	16,200	145,800	
*	Kinh phí hoạt động áp			16	3,000	576,000			576,000	
*	Bổ sung kinh phí hoạt động (20%)					1.191,606	119,161	107,245	965,200	
3.2	Đảng	22	19			1.148,544	114,854	103,369	930,321	
*	Đảng ủy xã	17	15		27,000	459,000	45,900	41,310	371,790	
*	Hoạt động không chuyên trách xã	5	4		20,000	100,000	10,000	9,000	81,000	
*	Bổ sung kinh phí hoạt động (20%)					589,544	58,954	53,059	477,531	
3.3	Đoàn thể	15	15			569,481	56,948	51,253	461,280	

[illegible]

PHỤ LỤC SỐ 3C
PHÂN BỐ GIAO DỰ TOÁN CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
Kinh phí không giao tự chủ (Mã nguồn 12)
(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kinh phí giao thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án	Tiết kiệm 10% thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định	Kinh phí giao cho các đơn vị	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
	TỔNG CỘNG	12.022,755	223,755	11.799,000	
1	Quốc phòng	1.849,000	-	1.849,000	
	UBND xã Đông Hải (Kp Dân quân thường trực, ấp đội trưởng)	1.849,000		1.849,000	
2	An ninh và trật tự an toàn xã hội	960,000	-	960,000	
	UBND xã Đông Hải (Kp Tổ an ninh trật tự ấp)	960,000		960,000	
3	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	265,000	-	265,000	
	UBND xã Đông Hải (Kp sự nghiệp)	149,800		149,800	
	UBND xã Đông Hải (Kp Tổ công nghệ số cộng đồng)	115,200		115,200	
4	Y tế, dân số và gia đình	968,000	-	968,000	
	UBND xã Đông Hải (Kp thực hiện chính sách an sinh xã hội)	968,000		968,000	
5	Văn hóa thông tin	200,000	-	200,000	
	Trung tâm văn hóa thông tin và truyền thông xã (Kp sự nghiệp)	120,000		120,000	
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã (Kp theo NQ 09 HĐND tỉnh)	80,000		80,000	
6	Phát thanh truyền hình	100,000	-	100,000	
	Trung tâm văn hóa thông tin và truyền thông xã (Kp sự nghiệp)	100,000		100,000	
7	Thể dục thể thao	100,000	-	100,000	
	Trung tâm văn hóa thông tin và truyền thông xã (Kp sự nghiệp)	100,000		100,000	
8	Đảm bảo xã hội	7.357,000	-	7.357,000	
	UBND xã Đông Hải (Kp thực hiện chính sách an sinh xã hội)	7.357,000		7.357,000	
9	Chi khác ngân sách	223,755	223,755	-	
	Phân bổ thực hiện cải cách tiền lương 50% dự toán 2026 so với dự toán 2025	135,000	135,000		
	Phân bổ thực hiện chính sách cải cách tiền lương (bằng tính giao 1.071 triệu đồng)	88,755	88,755	-	

PHỤ LỤC SỐ 3D
PHÂN BỐ GIAO DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC
(Kèm theo Phương án phân bổ dự toán ngân sách xã Đông Hải năm 2026)

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

[illegible]